

Số: 09/2024/QĐST-DS

Sông Công, ngày 14 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 5 Điều 211 và khoản 1 Điều 212 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 50, 55 Luật Thương mại; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 06 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 23/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP P (O),

Địa chỉ: Số D & D đường L, phường B, Quận A, TP Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T – Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tuấn T1 – Giám đốc (*Văn bản ủy quyền số 15/2024/UQ-CT.HĐT ngày 06/5/2024*).

Nhận ủy quyền lại: Ông Lê Sỹ T2, sinh năm 1993 – Cán bộ xử lý nợ,

Địa chỉ: Tầng A số F H, phường N, Quận C, TP .

Bị đơn: 1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1967,

2. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1967,

Đều trú tại: Xóm K, xã B, TP S, Thái Nguyên.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Lê Sỹ T2 là đại diện theo ủy quyền cho Ngân hàng TMCP P (OCB) và ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị H1 xác nhận: Ông H, bà H1 còn nợ lại Ngân hàng OCB số tiền nợ gốc và lãi theo các Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ, Thẻ tín dụng đã được ký kết tính đến ngày 06/8/2024 là: 2.143.969.440 đồng.

2.2. Ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị H1 có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền nợ gốc và nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng số 0071/2022/HĐTD-OCB-CN ngày 30/12/2022 Hợp đồng tín dụng số 0034/2023/HĐTD-OCB-CN ngày 30/05/2023 Hợp đồng tín dụng số 0082/2023/HĐTD-OCB-CN ngày 02/11/2023 Thẻ tín dụng tính đến ngày 06/8/2024 với tổng số tiền là: 2.143.969.440 đồng (*trong đó nợ gốc: 2.032.892.231 đồng, nợ lãi: 103.981.602 đồng*). Nợ thẻ tín dụng là 26.794.607 đồng (*trong đó: Nợ gốc 19.899.000 đồng, nợ lãi: 6.895.607 đồng*)

2.3. *Phương thức và thời hạn thanh toán:* Trả một lần toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi vào ngày 28/11/2024 ông H, bà H1 có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP P (O) nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 06/8/2024 tổng số tiền là 2.143.969.440 đồng (*trong đó nợ gốc: 2.032.892.231 đồng, nợ lãi: 103.981.602 đồng*). Nợ thẻ tín dụng là 26.794.607 đồng (*trong đó: Nợ gốc 19.899.000 đồng, nợ lãi: 6.895.607 đồng*).

2.4. Ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị H1 có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 07/8/2024 theo mức lãi suất lãi suất nợ quá hạn quy định trong hợp đồng tín dụng với Ngân hàng O cho đến khi thanh toán hết nợ vay cho Ngân hàng.

Sau ngày 29/11/2024 ông H, bà H1 không trả được số tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản bảo đảm gồm:

Thửa đất số: 932, Tờ bản đồ số: 4, Diện tích: 596 m², địa chỉ TDP L, phường B, thành phố P, tỉnh Thái Nguyên theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS403700, số vào sổ cấp GCN: CS 00404 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh T cấp ngày 17/07/2019 Ngày 05/01/2023, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố P – Tỉnh Thái Nguyên xác nhận chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H1 theo hồ sơ số: CN01.

Tài sản bảo đảm đã được công chứng thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số công chứng 181, quyền số 01/2023, TP/CC-

SCC/HĐGD ngày 10/01/2023 tại Văn phòng C; Văn bản sửa đổi bổ sung (Lần thứ 01) sửa đổi bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 181, quyền số 01/2023, TP/CC-SCC/HĐGD ngày 10/01/2023 số công chứng 3422, quyền số 05/2023, TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29/05/2023 tại Văn phòng C và đã được đăng ký thế chấp theo quy định của pháp luật.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông H, bà H1 với Ngân hàng TMCP P. Trường hợp số tiền này không đủ để thực hiện nghĩa vụ thanh toán đề nghị Tòa án tiếp tục yêu cầu ông H, bà H1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết khoản nợ trên cho Ngân hàng.

3.Về án phí: Ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị H1 liên đới phải chịu 37.439.669 đồng (*Ba mươi bảy triệu, bốn trăm ba mươi chín nghìn, sáu trăm sáu mươi chín đồng*) tiền án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch vào Ngân sách Nhà nước.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP P 36.780.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000701 ngày 03/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sông Công, Thái nguyên.

4.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND TPSC TN;
- Chi cục THADS TPSC TN;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Bình

Số: 07/2023/QĐST-DS

Sông Công, ngày 06 tháng 6 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 26, 147, khoản 5 Điều 211, khoản 1 Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 29 tháng 5 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 13/2023/TLST- DS ngày 03 tháng 4 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q (V1),

Địa chỉ: Tầng A (tầng trệt) và tầng 2 Tòa nhà S P, phường B, Quận A, TP Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V – Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Trung K – Cán bộ V1,

Địa chỉ: Số F, đường L, TP., Thái Nguyên

Bị đơn: Ông Phạm Văn T3, sinh năm 1973,

Địa chỉ: Xóm Tân Tiến, xã Tân Quang, TP Sông Công, Thái Nguyên

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Đại diện theo ủy quyền cho Ngân hàng V1 và ông Phạm Văn T3

thỏa thuận thống nhất số tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng số 7107324.2024/04/2020 và 8283110.2024/04/2020 đến ngày 29/5/2023 là 1.058.398.876 đồng (Một tỷ, không trăm năm mươi tám triệu, ba trăm chín mươi tám nghìn, tám trăm bảy mươi sáu đồng), trong đó: Nợ gốc: 818.752.000 đồng; Nợ lãi 39.480.271 đồng; Nợ lãi quá hạn: 200.166.605 đồng. Ông Phạm Văn T3 cam kết có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 29/5/2023 là 1.058.398.876 đồng (Một tỷ, không trăm năm mươi tám triệu, ba trăm chín mươi tám nghìn, tám trăm bảy mươi sáu đồng).

Phương thức và thời hạn thanh toán: Trả một lần vào ngày 15/7/2023 toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 29/5/2023 là 1.058.398.876 đồng.

2.2. Ông Phạm Văn T3 có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 30/5/2023 theo mức lãi suất nợ quá hạn quy định theo hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Q cho đến khi thanh toán hết nợ vay cho Ngân hàng V1.

Sau ngày 15/7/2023 ông Phạm Văn T3 không trả được (hoặc trả không đầy đủ) số tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng TMCP Q thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm gồm:

- Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 90D, tờ bản đồ số: 102-I, diện tích: 300m², địa chỉ: Xóm T, xã T, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CB 875860, số vào sổ cấp GCN: CH 01716H do UBND thành phố S cấp ngày 05/07/2016 cho ông Phạm Văn H2 và bà Trần Thị K1. Ngày 18/04/2018, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S xác nhận tặng cho ông Phạm Văn T3.

- Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 90E, tờ bản đồ số: 102-I, diện tích: 630m², địa chỉ: Xóm T, xã T, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BM 154448, số vào sổ cấp GCN: CH01254H do UBND thị xã S (nay là thành phố S) cấp ngày 08/05/2014 cho ông Phạm Văn H2 và bà Trần Thị K1. Ngày 18/04/2018, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố S xác nhận tặng cho ông Phạm Văn T3.

02 tài sản trên được thế chấp tại VIB theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số công chứng 2517 quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD Văn phòng Công chứng phía Nam Thành phố - tỉnh T ngày

23/04/2020 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Ông Phạm Văn T3 phải chịu 21.875.970 đồng (*Hai mươi một triệu, tám trăm bảy mươi năm nghìn, chín trăm bảy mươi đồng*) tiền án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch vào Ngân sách nhà nước nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Sông Công, Thái Nguyên. Hoàn trả lại Ngân hàng TMCP Q tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.125.000 đồng (*Mười một triệu, một trăm hai mươi năm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0001036 ngày 03/4/2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Sông Công, Thái Nguyên.

4. Về chi phí tố tụng: Ngân hàng TMCP Q tự nguyện chịu, đã thực hiện xong.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN
- VKSND TPSC TN;
- Chi cục THADS TPSC TN;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Bình